

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH THƯỢNG
TỈNH KIÊN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **42/2018/HNGĐ-ST.**

Ngày: 28-8-2018.

V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Văn Tịnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lâm Tấn Đạt

2. Ông Lê Thanh Nhã

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tú Nguyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang:
Không tham gia phiên tòa.

Ngày 28 tháng 8 năm 2018, tại phòng xử án TAND huyện U Minh Thượng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 108/2018/TLST-HNGĐ, ngày 09 tháng 7 năm 2018, về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con chung. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 13 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Huỳnh Thị CL, sinh năm 1985; địa chỉ cư trú: ấp CS, xã AMB, huyện UMT, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: ông Đặng Hoài A, sinh năm 1984; địa chỉ cư trú: ấp CS, xã AMB, huyện UMT, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Đơn khởi kiện ngày 22 tháng 6 năm 2018 và những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Huỳnh Thị CL trình bày:

- Về hôn nhân: bà CL và ông Hoài A kết hôn vào ngày 08/4/2008 trên cơ sở tự nguyện, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán ở địa phương, có đăng ký kết hôn theo quy định. Quá trình chung sống với nhau được hai năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông Hoài A có tính gia trưởng thường xuyên đánh đập bà CL. Nay bà CL yêu cầu được ly hôn với ông Hoài A.

- Về con chung: bà CL và ông Hoài A chung sống với nhau có được hai người con chung tên Đặng Thị CD, sinh ngày 27/10/2009, giới tính nữ và Đặng Ngọc BH, sinh ngày 12/7/2014, giới tính nam. Bà CL yêu cầu được nuôi hai con, không yêu cầu ông Hoài A cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và nợ chung: tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại biên bản hòa giải ngày 27 tháng 7 năm 2018 ông Đặng Hoài A trình bày:

+ Về hôn nhân: ông Hoài A không đồng ý ly hôn.

+ Về con chung: có được hai người con chung tên Đặng Thị CD, sinh ngày 27/10/2009, giới tính nữ và Đặng Ngọc BH, sinh ngày 12/7/2014, giới tính nam. Ông Hoài A yêu cầu được nuôi cháu Huy, không yêu cầu cấp dưỡng và cũng không đồng ý cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và nợ chung: tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Tài liệu chứng cứ do các đương sự cung cấp và Tòa án thu thập được như sau: Giấy chứng nhận kết hôn giữa bà Đặng Hoài A và bà Huỳnh Thị CL ngày 08/4/2008; Giấy khai sinh của Đặng Ngọc BH (photo); Giấy khai sinh của Đặng Thị CD (photo); Hộ khẩu và Chứng minh nhân dân photo của bà Huỳnh Thị CL.

Tại phiên tòa: bà CL kiên quyết ly hôn với ông Hoài A; yêu cầu được nuôi hai con, không yêu cầu ông Hoài A cấp dưỡng; về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu.

Ông Hoài A đồng ý ly hôn với bà CL; yêu cầu được nuôi cháu Huy, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con và cũng không đồng ý cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: bà CL và ông Hoài A kết hôn vào ngày 08/4/2008 có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, trên cơ sở tự nguyện, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán ở địa phương, không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội, nên hôn nhân giữa bà CL và ông Hoài A là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống hạnh phúc được hai năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông Hoài A có tính gia trưởng thường xuyên đánh đập bà CL. Mâu thuẫn kéo dài dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt; cuộc sống chung không hạnh phúc; mục đích hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa bà CL kiên quyết ly hôn với ông Hoài A nên ông Hoài A cũng đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, cho bà CL được ly hôn với ông Hoài A.

[2] Về con chung: bà CL và ông Hoài A chung sống với nhau có được hai người con chung tên Đặng Thị CD, sinh ngày 27/10/2009, giới tính nữ và Đặng Ngọc BH, sinh ngày 12/7/2014, giới tính nam. Tại thời điểm xét xử bé CD đã được 11 tuổi, có nguyện vọng được sống với mẹ (bà CL) và không yêu cầu cha cấp dưỡng (ông Hoài A) và cháu Huy đã được 04 tuổi cũng cần được sự chăm sóc trực tiếp từ người mẹ, hiện tại cháu Huy được bà CL chăm sóc tốt về mọi mặt, tại phiên tòa cháu Huy cũng thể hiện nguyện vọng được sống với bà CL. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà CL giao cháu Đào và cháu Huy cho bà CL trực tiếp nuôi dưỡng; ông Hoài A không phải cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: bà CL và ông Hoài A tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét.

[4] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: bà CL phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo lai thu số 0004201, ngày 06 tháng 7 năm 2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện U Minh Thượng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 266 của BLTTDS năm 2015;
- Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTHVQH14, ngày 30.12.2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: xử cho bà Huỳnh Thị CL được ly hôn với ông Đặng Hoài A.

2. Về con chung: xử giao con tên Đặng Thị CD, sinh ngày 27/10/2009, giới tính nữ và Đặng Ngọc BH, sinh ngày 12/7/2014, giới tính nam, cho bà Huỳnh Thị CL trực tiếp nuôi dưỡng; ông Đặng Hoài A không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Đặng Hoài A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: bà Huỳnh Thị CL phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo lai thu số 0004201, ngày 06 tháng 7 năm 2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện U Minh Thượng.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án tỉnh Kiên Giang;
- VKS ND huyện UMT;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện UMT;
- Lưu.

Phan Văn Tịnh